TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DS-PT.
Ngày: 13 – 6 – 2018
V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Phạm Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 70/2017/TLPT-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2018/DS-ST, ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/QĐ-PT, ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2018/QĐ-PT, ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm: 1978.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ánh T, sinh năm: 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, huyện G, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Phúc D – Văn phòng Luật sư Nguyễn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn C– Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn K

Địa chỉ: ấp 2, xã Q, huyện R, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Thanh L và bị đơn bà Phạm Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thanh L trình bày: Cha ông là Phạm Văn Z chết năm 2004 và mẹ ông là Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị X') chết năm 2016. Cha mẹ ông chỉ có 02 người con là ông và bà Phạm Thị C. Khi còn sống thì bà X có tạo lập được một phần đất có tổng diện tích 807,1m² gồm 02 thửa: Thửa 80 có diện tích 316m², loại đất ở nông thôn và thửa 77 có diện tích 491,1m² loại đất trồng cây lâu năm, phần đất trên tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Hiện tại trên phần đất có căn nhà của bà X chết để lại và căn nhà của bà C, cùng một số cây ăn trái. Toàn bộ phần đất hiện nay đều do bà C đang quản lý còn căn nhà của bà X thì đóng cửa bỏ không. Năm 2016, bà X có lập tờ di chúc để lại toàn bộ phần đất và căn nhà trên đất cho ông L sở hữu toàn bộ sau khi bà X chết. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho ông được thừa hưởng toàn bộ phần di sản trong di chúc do mẹ ông là bà X lập vào ngày 19/5/2016. Đối với căn nhà của bà C đang sử dụng thì ông L đồng ý cho bà C ở trên đất đến hết ngày 30/12/2022, bà C phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ căn nhà trên đất để trả lại đất cho ông L sử dụng. Đối với việc mua bán đất giữa bà X với ông Dương Văn K thì ông L thừa nhận mẹ ông có chuyển nhượng đất cho ông K và ông đồng ý giao đất theo yêu cầu của ông K.

Quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn Phạm Thị C trình bày: Cha bà là ông Phạm Văn Luốt chết năm 2004 và mẹ bà là Nguyễn Thị X chết năm 2016. Cha mẹ bà chỉ có 02 người con là bà và ông Phạm Thanh L. Sau khi bà X chết có để lại 01 căn nhà và phần đất như ông L trình bày. Từ trước đến nay bà vẫn sống trên phần đất này, nay ông L yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản là căn nhà và đất nêu trên thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu được chia đôi bằng hiện vật phần đất, đối với phần nhà của bà X thì bà yêu cầu được chia ½ giá trị quy ra tiền theo giá trị thị trường. Lý do bà yêu cầu như trên là do phần đất này trước đây bà X đã hứa cho bà và khi bà X lập di chúc thì bà cũng không hay biết vì vậy bà không đồng ý chia di sản thừa kế theo di chúc. Ngoài ra, năm 2015 bà X có làm giấy tay bán cho ông K một nền nhà nhưng hiện chưa sang tên qua cho ông K, khi ông K giao tiền cho bà X bà có biết nên bà thống nhất cho ông K sang tên phần đất này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn K trình bày: Vào năm 2015, ông có làm giấy tay nhận chuyển nhượng của bà X một nền nhà với diện tích đo đạc thực tế là 209m², đất tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Giá chuyển nhượng là 15.000.000đ, ông K đã giao đủ tiền. Ông cũng đã cắm ranh đất và trồng chuối trên đất. Nay ông K yêu cầu Tòa án công nhận việc mua bán đất giữa ông và bà X. Trường hợp Tòa án hủy việc mua bán, ông K yêu

cầu các con của bà X là ông L và bà C có trách nhiệm trả lại cho ông 15.000.000đ, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh L.

2. Chia cho ông Phạm Thanh L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 575,2m^2, trong đó có 129,2m^2 đất ONT, thuộc thửa số 80 và 446m^2 đất CLN, thuộc thửa 77 và sở hữu căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ trên đất và cây trồng trên đất do bà Nguyễn Thị X chết để lại với kích thước và kết cấu theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 09/6/2017 của Tòa án. Phần đất ông Phạm Thanh L được chia có vị trí và kích thước được thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính số 34-2017, cụ thể như sau: phần thứ nhất là phần đất được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính là ô số VI với diện tích 209m^2, trong đó có 45,3m^2 đất ONT và 163,7m^2 đất CLN, với chiều ngang mặt tiền hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 6,29m, chiều ngang sau hậu có số đo là 10,04m, chiều dài giáp lộ xi măng có số đo là 22,81m, chiều dài giáp nhà bà C có số đo là 25,54m. Phần thứ hai là phần đất phía bên phải hướng lộ nhựa nhìn vào có diện tích là 366,2m^2. Trong đó có 83,9m^2 đất ONT và 282m^2 đất CLN với chiều dài giáp nhà bà C có số đo là 28,24m, chiều dài bên phải giáp hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 34,21m, chiều ngang sau hậu có số đo là 10,77m, phía trước mặt tiền giáp lộ nhựa gồm 03 đoạn thẳng nối lại với nhau theo hình dạng gấp khúc, lần lượt có số đo là 8,55m; 5,5m và 2,9m.

3. Chia cho bà Phạm Thị C được quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích là 251,6m^2, trong đó có 186,8m^2 đất ONT thuộc thửa số 80 và 64,8m^2 đất CLN thuộc thửa số 77 và sở hữu các cây trồng trên đất. Vị trí ở giữa phần đất phần đất ông Phạm Thanh L được chia với kích thước cụ thể như sau: Chiều ngang mặt mặt tiền hướng lộ nhìn vào có số đo là 9,22m; chiều ngang sau hậu có số đo là 9,81m, chiều dài bên phải hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 28,24m; chiều dài bên trái hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 25,54m.

Có mảnh trích đo địa chính số 34-2017 của Công ty TNHH XD-TM-NĐ LA kèm theo bản án.

4. Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Phạm Thanh L số tiền 36.381.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền giá trị chênh lệch giữa phần di sản được chia và phần di sản thực tế được nhận.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn K. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị X và ông Dương Văn K lập ngày 27/7/2015 vô hiệu. Buộc ông Dương Văn K có trách nhiệm hoàn trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 209m^2, được ký hiệu trong mảnh trích đo địa chính là ô số VI cho ông Phạm Thanh L sử dụng. Buộc ông Phạm Thanh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho Dương Văn K

số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại là 16.809.400 đồng. Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Dương Văn K số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại là 1.764.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 31/8/2017, nguyên đơn ông Phạm Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, công nhận toàn bộ phần đất thuộc thửa 77, 80 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông L.

Cùng ngày 31/8/2017, bị đơn bà Phạm Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố di chúc do bà Nguyễn Thị X lập ngày 19/5/2016 là vô hiệu và chia di sản do bà X chết để lại theo pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Di sản của bà X để lại là căn nhà và phần đất tổng diện tích là 807,1m^2. Trước lúc bà X chết thì vào ngày 19/5/2016 bà X có lập di chúc để lại toàn bộ di sản cho ông L thừa kế. Di chúc có nhiều người làm chứng ký tên và có chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Di chúc ngày 19/5/2016 là vô hiệu do hình thức của di chúc không thỏa mãn Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Cụ thể tờ di chúc ngày 19/5/2016 có chữ ký và dấu lăn tay của bà X nhưng những người làm chứng không có xác nhận chữ ký và dấu lăn tay trong tờ di chúc là chữ ký và dấu tay của bà X. Lời khai của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T cũng cho rằng di chúc ngày 19/5/2016 là do ông L lập sẵn và chính tay ông L lấy tay của bà X để lăn tay vào tờ di chúc. Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký X trong tờ di chúc với các chữ ký của bà X trong các Hợp đồng chuyển nhượng đất mà phía bị đơn thu thập được không phải do cùng một người ký ra. Do đó, có căn cứ để xác định di chúc ngày 19/5/2016 không phải là di chúc do bà X lập trước khi chết mà là do ông L tự lập ra nên Di chúc ngày 19/5/2016 là vô hiệu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Phạm Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được thừa kế toàn bộ di sản là phần đất và công trình kiến trúc trên đất do bà Nguyễn Thị X chết để lại theo di chúc lập ngày 19/5/2016. Phần đất và công trình kiến trúc trên đất tọa lại tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2017 ông L có đơn kháng cáo; cùng ngày 31/8/2017 bà C cũng có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo Mảnh trích đo địa chính số 34-2017 ngày 17/7/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Nhà đất LA Chi nhánh tỉnh Hậu Giang thì tổng diện tích đo đạc thực tế là 826,8m², trong đó thửa 77 loại đất CLN diện tích 510,8m² (có 121,2m² nằm trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông) và thửa 80 loại đất ONT diện tích 316m².

[3] Ông L khởi kiện bà C yêu cầu công nhận toàn bộ phần đất di sản thuộc hai thửa 77 và 80 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L theo di chúc do bà X chết để lại thể hiện tại Tờ di chúc ngày 19/5/2016. Bà C cho rằng Tờ di chúc ngày 19/5/2016 bà không hay biết, lúc đó mẹ bà bệnh nặng, không còn minh mẫn nên nội dung di chúc không thể hiện đúng ý chí của bà trước lúc chết. Xét Tờ di chúc lập vào ngày 19/5/2016 dưới hình thức đánh máy, phía cuối di chúc có chữ ký và dấu lăn tay của bà Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị X') cùng những người làm chứng bao gồm ông Nguyễn Văn S, ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn R. Phía bà C cho rằng ông L giả mạo chữ ký của bà X để làm di chúc nên yêu cầu giám định chữ ký của bà X trong di chúc. Theo Kết luận giám định số 10/PC45 ngày 02/01/2018 thì không kết luận được chữ ký đứng tên Nguyễn Thị X' dưới mục "Những người lập di chúc" trong Tờ di chúc lập ngày 19/5/2016 với các chữ ký trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra hay không. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 của ông Nguyễn Văn R và ông Nguyễn Văn P (bút lục số 164-167) là những người làm người làm chứng có trong tờ di chúc, đồng thời ông R và ông P cũng là anh của bà X cho rằng việc bà X trước khi chết có lập di chúc trước mặt các ông là sự thật, tuy nhiên di chúc ngày 19/5/2016 là di chúc viết tay, sau đó được đánh máy lại với nội dung giống như di chúc viết tay và ông R, ông P có ký tên vào tờ di chúc; nội dung tờ di chúc đúng như nội dung bà X di chúc lại trước khi chết, lúc đó bà X còn minh mẫn nhưng sức khỏe yếu nên kêu các ông cùng những người khác làm chứng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2017 (bút lục số 71) và văn vản ngày 15/4/2018 thì ông Phạm Văn N – Trưởng ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang khẳng định

trước lúc bà X chết có mời ông và các anh em của bà X đến làm chứng việc bà lập di chúc cho con của bà là ông L; tờ di chúc ngày 19/5/2016 ông L cung cấp đúng là chữ ký của ông; lúc lập di chúc bà X hoàn toàn minh mẫn và nhận thức được hành vi của mình. Tại văn bản ngày 15/4/2018, người làm chứng Nguyễn Văn S khai trước lúc chết, bà X có mời ông và các anh em của bà về lập tờ di chúc tặng cho con ruột là Phạm Thanh L toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của bà X, có nhiều người chứng kiến, lúc đó bà X hoàn hoàn minh mẫn và nhận thức được hành vi của minh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Tờ di chúc lập ngày 19/5/2016 đúng là di chúc do bà X lập trước khi chết.

[4] Theo quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì trong trường hợp người lập di chúc không thể tự không thể tự mình viết di chúc thì có thể nhờ người khác viết nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Tờ di chúc ngày 19/5/2016 có những người làm chứng như ông Nguyễn Văn S, ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn R ký tên mà theo lời khai của ông R, ông P, ông N, ông S xác định lúc lập di chúc bà X hoàn toàn minh mẫn, nhận thức được hành vi của mình, nội dung di chúc đúng như ý chí, nguyện vọng của bà X trước lúc chết. Đồng thời, nội dung trong di chúc phù hợp quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Tờ di chúc ngày 19/5/2016 là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận cho ông L được thừa kế căn nhà và phần đất có diện tích 316m², loại đất ONT thuộc thửa số 80 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00550 là có căn cứ.

[5] Đối với người làm chứng Nguyễn Thị Q các đương sự không cung cấp được địa chỉ nên không làm việc được. Văn bản ngày 12/12/2017, người làm chứng Nguyễn Thị T khai tờ di chúc ngày 19/5/2016 là do ông Phạm Thanh L lập sẵn, lấy tay bà X lăn vào tờ di chúc, lúc đó bà X bệnh nằm liệt giường, không biết gì hết. Lời khai của bà T mâu thuẫn với lời khai những người làm chứng Phạm Văn N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn P về tình trạng của bà X trước lúc chết là bà X còn minh mẫn nên không có cơ sở chấp nhận lời khai của bà T. Vả lại, chính lời thừa nhận của bà T là trước lúc chết bà X có lập di chúc, phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác là đại diện chính quyền ấp, anh ruột của bà X là ông Nguyễn Văn P, anh bà con của bà X là ông Nguyễn Văn R là nội dung di chúc ngày 19/5/2016 chính là nội dung bà X di chúc để lại, đúng như nguyện vọng của bà X trước lúc chết.

[6] Xét kháng cáo của ông Phạm Thanh L đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 510,8m^2 thuộc thửa 77, loại đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00549. Hội đồng xét xử xét thấy, Tờ di chúc ngày 19/5/2016 chỉ đề cập đến nhà và đất thuộc thửa đất số 80 theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H00550, không có đề cập đến thửa đất số 77 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00549. Do đó, đối với thửa đất 77 nằm ngoài nội dung di chúc của bà X, Tòa án cấp sơ thẩm chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X hiện tại xác định chỉ có ông L và bà C là có căn cứ. Trên cơ sở di sản được chia theo di chúc và di sản được chia theo pháp luật, do trên phần đất ông L được chia theo di chúc có một phần căn nhà của bà C đang sử dụng ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm ổn định hết phần đất có căn nhà của bà C thuộc quyền sử dụng của bà C, đồng thời buộc bà C trả lại giá trị chênh lệch so với giá trị tài sản bà C được chia là phù hợp. Đối với cây trồng trên đất Tòa án cấp sơ thẩm ổn định cho ông L, bà C phần cây trồng trên đất mà ông L, bà C được chia. Ông L, bà C không kháng cáo hay yêu cầu xem xét đến giá trị cây trồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Việc bị đơn bà Phạm Thị C cho rằng di chúc là không hợp pháp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc nguyên đơn ông Phạm Thanh L yêu cầu công nhận phần đất thể hiện tại thửa 77, diện tích 510,8m^2 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất này bà X di chúc lại cho ông. Do đó, kháng cáo của ông L, bà C không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Thanh L, kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đối với phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho ông L sỡ hữu căn nhà do bà X để lại theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2017 là không cụ thể, rõ ràng, khó khăn trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung kích thước, kết cấu nhà cho phù hợp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và bà C nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Thanh L, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 135/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 637, 652, 667, 675 và 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh L.

2. Chia cho ông Phạm Thanh L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 575,2m^2, trong đó có 129,2m^2 đất ONT, thuộc thửa số 80 và 446m^2 đất CLN, thuộc thửa 77 và sở hữu căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ trên đất và cây trồng trên đất do bà Nguyễn Thị X chết để lại với kích thước và kết cấu nhà, công trình phụ như sau: Căn nhà chính khung cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch bông, mái lá, diện tích xây dựng 64,19m^2; Mái che nhà chính cột gỗ tạp, mái lá, nền láng xi măng, diện tích xây dựng 18,34m^2; nhà vệ sinh cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lá, nền láng xi măng (có hầm tự hoại), diện tích xây dựng 2,1m^2.

Phần đất ông Phạm Thanh L được chia có vị trí và kích thước được thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính số 34-2017, cụ thể như sau: phần thứ nhất là phần đất được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính là ô số VI với diện tích 209m^2, trong đó có 45,3m^2 đất ONT và 163,7m^2 đất CLN, với chiều ngang mặt tiền hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 6,49m, chiều ngang sau hậu có số đo là 10,04m, chiều dài giáp lộ xi măng có số đo là 22,81m, chiều dài giáp nhà bà C có số đo là 25,54m. Phần thứ hai là phần đất phía bên phải hướng lộ nhựa nhìn vào có diện tích là 366,2m^2. Trong đó có 83,9m^2 đất ONT và 282,3m^2 đất CLN với chiều dài giáp nhà bà C có số đo là 28,24m, chiều dài bên phải giáp hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 34,21m, chiều ngang sau hậu có số đo là 10,77m, phía trước mặt tiền giáp lộ nhựa gồm 03 đoạn thẳng nối lại với nhau theo hình dạng gấp khúc, lần lượt có số đo là 8,55m; 5,5m và 2,9m.

3. Chia cho bà Phạm Thị C được quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích là 251,6m^2, trong đó có 186,8m^2 đất ONT thuộc thửa số 80 và 64,8m^2 đất CLN thuộc thửa số 77 và sở hữu các cây trồng trên đất. Vị trí ở giữa phần đất ông Phạm Thanh L được chia với kích thước cụ thể như sau: Chiều ngang mặt tiền hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 9,22m; chiều ngang sau hậu có số đo là 9,81m, chiều dài bên phải hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 28,24m; chiều dài bên trái hướng lộ nhựa nhìn vào có số đo là 25,54m.

Có mảnh trích đo địa chính số 34-2017 của Công ty TNHH XD-TM-NĐ LA kèm theo bản án.

4. Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Phạm Thanh L số tiền 36.381.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền giá trị chênh lệch giữa phần di sản được chia và phần di sản thực tế được nhận.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn K. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị X và ông Dương Văn K lập ngày 27/7/2015 vô hiệu. Buộc ông

Dương Văn K có trách nhiệm hoàn trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 209m^2, được ký hiệu trong mảnh trích đo địa chính là ô số VI cho ông Phạm Thanh L sử dụng. Buộc ông Phạm Thanh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho Dương Văn K số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại là 16.809.400 đồng (mười sáu triệu tám trăm lẻ chín nghìn bốn trăm đồng). Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Dương Văn K số tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại là 1.764.500 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá:

Ông Phạm Thanh L phải nộp số tiền 3.090.000 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), ông L đã nộp xong, ông L được nhận lại số tiền 585.728 đồng (năm trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) tại Tòa án.

Bà Phạm Thị C phải nộp số tiền 324.272 đồng (ba trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) để trả lại cho ông L đã nộp tạm ứng trước đó.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thanh L phải nộp số tiền 6.887.000 đồng (sáu triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng), được khấu trừ 3.045.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm Thanh L đã nộp theo biên lai thu số 0012269 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị C phải nộp số tiền 991.000 đồng (Chín trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Ông Dương Văn K phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số 0012311 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự sơ thẩm.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Thanh L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số 0012373 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0012372 ngày

31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS Tp. V, Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thanh